

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2022

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Ngọc Bay
2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2022/TLST–HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1976, cư trú tại: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Thanh S, sinh năm 1968, cư trú tại: Khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày: Bà và bị đơn ông Trịnh Thanh S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993, đăng ký kết hôn ngày 28/8/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tính không hòa hợp, ông S hay tụ tập nhậu, không có trách nhiệm trong việc chăm lo cho gia đình. Bà và ông S đã không còn sống chung từ năm 2010. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông S. Về con chung: bà và ông S có 02 con chung là Trịnh Thanh H1, sinh ngày 17/9/1994 và Trịnh Thanh H2, sinh ngày 11/9/1997. Các con chung đều đã trưởng thành, bà không ý kiến, yêu cầu gì. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trịnh Thanh S đã được Tòa án cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Trịnh Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Trịnh Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2008 đúng với quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông S do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2010 đến nay. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho bà T và ông S tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông S vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Còn bà T kiên quyết ly hôn với ông S. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T đối với ông S.

[4] Về con chung: Bà T trình bày bà và ông S có 02 người con chung là Trịnh Thanh H1, sinh ngày 17/9/1994 và Trịnh Thanh H2, sinh ngày 11/9/1997. Các con chung đều đã trưởng thành, bà T và ông S không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xét đến.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày bà và ông S không có tài sản chung, nợ chung; còn ông S không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T đối với ông Trịnh Thanh S.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Trịnh Thanh S.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004502 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn Cần Giuộc, huyện C
(Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2008);
- Lưu: VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Thị Minh Hiệp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA